

Đơn vị: Trường Mầm non Nam Thanh

Chương: 822

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND Phường Mường Thanh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>	
1	<b>Chi sự nghiệp</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.083.200.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>4.083.200.000</b>
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>4.083.200.000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.693.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	390.200.000
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

**Thủ trưởng đơn vị**

(Chữ ký, dấu)



**Nguyễn Thị Nhân**